

Bản án số: 50/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 18/9/2024

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu; Ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 30/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Đều ĐKKHKT và trú tại: Số 3 ngách 19 ngõ 212, Khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Ông Lê Văn H, bà Trần Thị N. Đều trú tại số nhà 4, ngõ 1 T, khu 6, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Số 3 ngách 19 ngõ 212, Khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh Tuấn A tại phường N, thành phố Hải Dương đến cuối năm 2021 thì chuyển về ở tại số 3/19/212 khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải

Dương sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hợp nhau về tính cách và lối sống, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế và chăm sóc nuôi dạy con. Cuộc sống gia đình ngột ngạt, hai vợ chồng không chia sẻ, quan tâm đến nhau, anh Tuấn A chơi bời nợ nần nhiều, không chịu làm ăn phát triển kinh tế và cũng không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Hiện chị và anh Tuấn A vẫn chung sống cùng nhà với nhau nhưng không ai quan tâm đến nhau, mỗi người có công việc riêng, không nói chuyện với nhau. Trước đây do không chịu được tính cách của anh Tuấn A chị đã có ý định làm đơn xin ly hôn và chuyển ra ngoài ở được khoảng 01 tháng, sau đó anh Tuấn A có về hỏi thăm, động viên, xin lỗi thì chị cũng cho cơ hội và tiếp tục chung sống với anh Tuấn A nhưng anh Tuấn A không thay đổi tính nết. Thời gian gần đây chị nộp đơn lên Tòa án, có nói chuyện với anh Tuấn A thì anh Tuấn A có trao đổi với chị là anh Tuấn A không đồng ý ly hôn, và nói với chị cứ nộp đơn và tự giải quyết, anh không quan tâm và cũng không lên Tòa án làm việc. Chị H cũng được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh Tuấn A không chịu thay đổi tính nết, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A để chị ổn định cuộc sống.

- **Về quan hệ con chung:** Quá trình chung sống chị H và anh Tuấn A có 02 con chung là Lê Hồng H, sinh ngày 08/6/2014 và Lê Anh N, sinh ngày 21/4/2009. Ly hôn chị H xin nhận nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân may, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/ tháng. Nếu Tòa án giao cả 02 con cho chị nuôi thì chị sẽ đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt và học tập đầy đủ chăm sóc tốt cho các con.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị H) trình bày:

Bà là mẹ đẻ chị H và là mẹ vợ anh Tuấn A. Chị H và anh Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2008, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng chị H tại phường N, thành phố Hải Dương. Khoảng 03 năm nay thì chuyển về khu Đ, phường T sinh sống, xây dựng nhà ở sát cạnh nhà bà. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, bà cũng có sang hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị không nghe, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh Tuấn A bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng anh chị có 02 con chung. Về tài sản chung giữa hai anh chị bà không biết. Chị H, anh Tuấn A hiện nay đi làm cả ngày không có nhà, tối mới về, nhà bà ở sát ngay bên cạnh Tòa án giao văn bản cho anh Tuấn A bà nhận thay và có trách nhiệm giao lại cho chị H, anh Tuấn A.

Người làm chứng ông Lê Văn H và bà Trần Thị N (bố mẹ đẻ anh Tuấn A) trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Tuấn A và là bố mẹ chồng của chị H. Chị H, anh Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với gia đình ông bà tại địa chỉ số nhà 4 ngõ 1 T, khu 6, phường N, thành phố Hải Dương, khoảng 02- 03 năm nay chuyển sang địa chỉ Số 3 ngách 19 ngõ 212, Khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H cho rằng anh Tuấn A không chịu làm ăn kinh tế, không chăm sóc và không chịu đưa đón con đi học dẫn đến hai vợ chồng xảy ra cãi vã. Thực tế do anh Tuấn A là người khuyết tật, yếu đuối, sức khỏe không đảm bảo, thời gian dịch bệnh covid công ty ít việc nên anh Tuấn A không có việc làm, không có thu nhập nên hai vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Trong thời gian chị H chung sống với anh Tuấn A thì vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, chị H có bỏ ra ngoài sinh sống khoảng 01 tháng, thời gian đó anh Tuấn A có đến thăm, động viên, gia đình tôi cũng khuyên bảo thì chị H tiếp tục về chung sống cùng anh Tuấn A. Đến thời điểm hiện nay chị H không quan tâm đến anh Tuấn A và cũng không quan tâm đến gia đình chồng. Ông bà cũng có gọi điện khuyên bảo nhưng chị H có thái độ khinh khỉnh và không nhắc máy, không nghe điện của ông bà. Anh Tuấn A có nói với ông bà là không đồng ý ly hôn chị H nên không đến Tòa án trình bày. Về con chung anh Tuấn A cũng nhất trí để chị H nhận nuôi cả 02 con, vì anh Tuấn A sức khỏe yếu, làm kinh tế không được nhiều, ông bà là bố mẹ đẻ anh Tuấn A cũng hoàn cảnh khó khăn, không có lương nên không đỡ đàn được cho Tuấn A. Anh Tuấn A hiện nay đi làm công ty, thu nhập bao nhiêu ông bà cũng không biết, anh Tuấn A bị khuyết tật ở chân nhưng vẫn đi lại được và đi lại bằng xe đạp điện. Do anh Tuấn A không đồng ý ly hôn và bận công việc nên không đến Tòa án trình bày quan điểm nhưng thông qua ông bà anh Tuấn A cũng đã nói rõ quan điểm của mình, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của ông bà chị H đối xử với anh Tuấn A lạnh nhạt, thực tế ông bà không muốn vợ chồng anh chị ly hôn, nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xác minh với ông Phạm Văn S (Trưởng khu Đ, phường T) và bà Hoàng Thị Bích N (Chi hội trưởng phụ nữ khu Đ, phường T trình bày: Chị H, anh Tuấn A là công dân hiện nay đang sinh sống tại khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chuyển về sống tại phường N, khoảng 02-03 năm nay mới chuyển về sinh sống tại khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không khu không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn gia đình không báo lại với khu. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, khu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Tuấn A; Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Hồng H, sinh ngày 08/6/2014 và Lê Anh N, sinh ngày 21/4/2009, chị H xin nhận nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tuấn A đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Tuấn A; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hồng H sinh ngày 08/6/2014 và Lê Anh N, sinh ngày 21/4/2009 kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tuấn A được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn anh Lê Tuấn A đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số nhà 3 ngách 19 ngõ 212, khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- **Về sự vắng mặt của các đương sự:** Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tuấn A đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tuấn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đã có quan điểm trình bày với Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Tuấn A kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế và chăm sóc nuôi dạy con, anh Tuấn A không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình. Cuộc sống gia đình ngọt ngào, mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng vợ chồng không chia sẻ, quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo động viên nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Tuấn A.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Tuấn A đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ tại nơi cư trú. Anh Tuấn A đã biết việc chị H xin ly hôn anh. Thông qua gia đình anh Tuấn A có quan điểm không đồng ý ly hôn chị H, tuy nhiên anh Tuấn A không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh Tuấn A không mong muốn đoàn tụ, cố tình gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Tuấn A là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H xác định giữa chị và anh Tuấn A có 02 con chung là Lê Hồng H, sinh ngày 08/6/2014 và Lê Anh N, sinh ngày 21/4/2009. Chị H xin nhận nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Lê Hồng H và cháu Lê Anh N hiện đã trên bảy tuổi và có quan điểm xin ở với mẹ. Chị H hiện đi làm công nhân có mức thu nhập ổn định hàng tháng. Đối với anh Tuấn A mặc dù không đến Tòa án trình bày nhưng thông qua việc lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh Tuấn A xác định anh Tuấn A bị khuyết tật ở chân mặc dù vẫn đi làm công nhân nhưng sức khỏe yếu và mong muốn để chị H nuôi cả hai con. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao hai con Lê Hồng H và Lê Anh N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh Tuấn A có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án Hôn nhân gia đình khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Tuấn A.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lê Hồng H, sinh ngày 08/6/2014 và Lê Anh N, sinh ngày 21/4/2009 kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003443 ngày 18/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường N, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

